TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1218/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 4 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Khuyến

2. Ông Nguyễn Văn Phòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1327/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1396/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà N, đường H, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Số nhà Y, đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà N, đường H, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T lấy nhau năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển I ngày 21 tháng 4 năm 2006.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 9 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo cho con cái, thường xuyên chơi cá độ đá banh gây nợ nần, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 9 năm 2019 đến nay vợ chồng bà H và ông T đã sống ly thân. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T, không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân này nữa, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.

Bà H và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị P, sinh ngày 09/01/2006 và Nguyễn Đ, sinh ngày 27/10/2011. Hiện nay, bà H đang làm công nhân của Công ty TNHH Sonion tại Khu Công nghệ cao thành phố Thủ Đức, thu nhập bình quân hàng tháng hơn 14.000.000 đồng. Từ khi ly thân đến nay, ông T không quan tâm đến các con cũng như không chu cấp tiền cho bà H để nuôi hai con, hai trẻ hiện đang sống cùng với bà H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên bà H yêu cầu sau khi ly hôn được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Bà H trình bày giữa bà và ông T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham dự các phiên toà xét xử nhưng ông T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến trình bày như trên.

Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử để tham dự các phiên toà xét xử nhưng ông T vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham dự phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển I ngày 21 tháng 4 năm 2006 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung giữa bà H và ông T thực tế có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể chia sẽ, trao đổi với nhau, thiếu sự quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và cũng không quan tâm đến việc hoà giải, hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Bà H và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị P, sinh ngày 09/01/2006 và Nguyễn Đ, sinh ngày 27/10/2011. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, hai con chung đang ở với bà H, các bé đều có nguyện vọng được ở với mẹ, bà H có công việc ổn định, đủ khả năng nuôi hai con chung. Xét thấy, yêu cầu của bà H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng

và ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Bà Nguyễn Thị H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết và xác định không có nợ chung nên Toà án không xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2006, quyển I ngày 21 tháng 4 năm 2006 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị P, sinh ngày 09/01/2006 và Nguyễn Đ, sinh ngày 27/10/2011.

Giao con chung tên Nguyễn Thị P và Nguyễn Đ cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định

việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

1.4. Nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0024494 ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- UBND phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**